

Bản án số: **30/2019/DS-ST**

Ngày: 14-10-2019

*“V/v Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản và góp hụi”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Minh Cảnh

2. Bà Trần Thị Mộng Lành

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Quốc Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2019/TLST- DS ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2019/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 73/2019/QĐST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2019 và thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 11/2019/TB-TĐTGMPPT ngày 23 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Thị T, sinh năm 1977 (có mặt);

2. *Bị đơn:* Bà Võ Thị Bé S, sinh năm 1965 (vắng mặt);

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Phạm Hoàng E, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp K L, xã Đ, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong đơn khởi kiện ngày 16/10/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Thị T trình bày và yêu cầu như sau:*

Vào ngày 09/3/2018, bà Võ Thị Bé S có vay tiền phụ nữ đến hạn trả nhưng bà S không có tiền trả, bà S có đến hỏi vay của chị số tiền 20.000.000 đồng, không có thỏa thuận lãi, sau 01 tuần bà S trả lại cho chị, khi đó không làm văn bản giấy tờ gì.

Ngoài ra, chị làm chủ hội, vào ngày 20/6/2017, chị có mở một dây hội tháng loại hội 2.000.000 đồng, có 20 phần, bà Võ Thị Bé S tham gia góp 01 phần, bà Võ Thị Bé S góp được 03 lần hội sống thì lĩnh hội, góp hội chết 05 lần đến nay không góp nữa, bà Võ Thị Bé S còn nợ chị 12 lần x 2.000.000 đồng/lần là 24.000.000 đồng, hội mãi tháng 02/2019, bà Võ Thị Bé S còn nợ chị 24.000.000 đồng.

Sau đó chị có đến đòi bà Võ Thị Bé S trả số tiền vay và tiền hội còn nợ nhiều lần nhưng bà Võ Thị Bé S lánh mặt nên chị có yêu cầu Công an huyện A B, tỉnh Kiên Giang giải quyết. Đến ngày 08/3/2018, Công an huyện A B, tỉnh Kiên Giang có mời bà Võ Thị Bé S đến làm việc thì bà Võ Thị Bé S và chị thỏa thuận bà Võ Thị Bé S còn nợ tiền vay của chị 20.000.000 đồng và nợ tiền hội của chị 24.000.000 đồng, khi đó bà Võ Thị Bé S hẹn trả vào tháng 12/2018 trả đủ số tiền vay và hội 44.000.000 đồng nhưng đến nay bà Võ Thị Bé S không trả.

Nay chị yêu cầu bà Võ Thị Bé S trả cho chị số tiền vay và hội là 44.000.000 đồng, chị rút lại yêu cầu bà Võ Thị Bé S trả tiền lãi đối với tiền vay, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

*\* Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 05/7/2019 và đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Hoàng E trình bày như sau:*

Anh không nhớ rõ ngày tháng, vào năm 2018 chị T có đến nhà anh mượn số tiền 20.000.000 đồng, khi đó chị T có nói mượn dùm cho bà S, còn việc chị T có giao tiền lại cho bà S không thì anh không trực tiếp chứng kiến. Việc chị T và bà S tranh chấp với nhau anh không có ý kiến và yêu cầu gì giải quyết cho anh. Đồng thời, anh yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt anh.

*\* Bị đơn bà Võ Thị Bé S:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Võ Thị Bé S biết để bà S có ý kiến về việc chị T yêu cầu bà S trả số tiền vay và tiền hội còn nợ nhưng bà S không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

*\* Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu Thị T, Biên bản xác minh ngày 16/01/2019 của Tòa

án nhân dân huyện An Biên, Biên bản xác minh ngày 05/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, Biên bản lấy lời khai của đương sự Phạm Hoàng E ngày 05/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, Biên bản tự thỏa thuận dân sự ngày 02/9/2018, Biên bản lấy lời khai bà Võ Thị Bé S ngày 02/9/2018 của Công an huyện An Biên, Công văn ngày 16/8/2018, Lý lịch cá nhân ngày 17/8/2018, Biên bản lấy lời khai chị Thị T ngày 10/8/2018 của Công an huyện An Biên, Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của đương sự ngày 12 tháng 4 năm 2018, Biên bản hòa giải lần I ngày 03/4/2018, Biên bản hòa giải lần ngày 09/4/2018, Danh sách tham gia góp hội ngày 20/6/2017, Đơn yêu cầu ngày 02/4/2018 của chị Thị T, 02 Đơn yêu cầu khởi tố hình sự ngày 12/4/2018.

*\* Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Thị S xác định, vào ngày 09/3/2018, chị cho bà S vay số tiền 20.000.000 đồng, không có thỏa thuận lãi, sau 01 tuần trả và ngày 20/6/2017 chị có mở 01 dây hội tháng, loại hội 2.000.000 đồng, gồm có 20 phần, bà S tham gia góp 01 phần, bà S lĩnh hội và góp hội được 08 lần thì không góp nữa, còn nợ lại chị 12 lần hội chết với số tiền là 24.000.000 đồng nhưng bà S không trả, chị yêu cầu Công an huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang giải quyết thì bà S thỏa thuận trả cho chị vào tháng 12/2018 nhưng đến nay bà S không trả. Nay chị yêu cầu bà S phải trả cho chị số tiền vay và tiền hội là 44.000.000 đồng, chị rút lại yêu cầu bà S trả tiền lãi đối với tiền vay, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Võ Thị Bé S vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Hoàng E có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu tập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 238, 239 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử là 07 tháng 13 ngày là quá thời hạn chuẩn bị xét xử 01 tháng 13 ngày theo quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Thẩm phán cần rút kinh nghiệm để đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định pháp

luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Võ Thị Bé S vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của chị T đòi bà S trả 44.000.000 đồng tiền vay vốn, tiền hui và trả lãi trên số tiền vay theo quy định của Nhà nước từ ngày 09/3/2018 đến khi giải quyết xong vụ kiện. Tại phiên tòa, chị T yêu cầu bà S trả cho chị 44.000.000 đồng tiền vay vốn và tiền hui là có căn cứ chấp nhận và phù hợp quy định tại Điều 463, Điều 466 và Điều 471 của Bộ luật dân sự. Chị T rút yêu cầu khởi kiện trả lãi suất tiền vay, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Thị T yêu cầu bị đơn bà Võ Thị Bé S trả tiền vay và tiền hui còn nợ, nguyên đơn và bị đơn đều có nơi cư trú tại: ấp K L, xã Đ, huyện A B, Kiên Giang cho nên được xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Võ Thị Bé S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Hoàng E biết và ấn định thời gian để bà S và anh Hoàng E có ý kiến về việc chị T khởi kiện đối với bà trả tiền vay và tiền hui nhưng bà S không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, anh Hoàng E có đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà S vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, anh Hoàng E có đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt. Như vậy, đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 206 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bà S và

anh Hoàng E nhưng bà S vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, anh Hoàng E có đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt. Đồng thời, tại phiên toà lần thứ hai chị T không yêu cầu hoãn phiên toà. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà S và anh Hoàng E theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét về hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp gửi giữa chị Thị T và bà Võ Thị Bé S được xác lập hợp đồng bằng lời nói, đến hạn bà S không trả tiền vay và không góp tiền hui thì giữa chị T và bà S có thỏa thuận việc trả nợ vay và tiền hui bằng văn bản là phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 471 Bộ luật dân sự và Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 của Nghị định số: 144/ 2006/ NĐ- CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 về họ, hui, biểu, phường.

Xét khởi kiện của chị T yêu cầu bà S trả cho chị số tiền vay là 20.000.000 đồng vốn gốc và tiền hui chưa góp là 24.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, chị T khởi kiện yêu cầu bà S trả tiền vay vốn gốc và tiền hui chưa góp còn nợ là phù hợp với lời khai của anh Phạm Hoàng E, lời khai của bà S và biên bản tự thỏa thuận dân sự giữa chị T và bà S ngày 02/9/2018 tại Công an huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, chị T khởi kiện yêu cầu bà S trả cho chị số tiền vay và tiền hui nói trên nhưng từ khi thụ lý vụ án giải quyết đến nay bà S không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T là có thật và thuộc trường hợp bà S thừa nhận hoặc không phản đối yêu cầu của chị T đưa ra theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị T tự xác định chị cho bà S vay 20.000.000 đồng tiền vốn gốc và bà S còn nợ chị tiền hui chưa góp là 24.000.000 đồng, nay chị yêu cầu bà S trả cho chị 44.000.000 đồng tiền vay vốn gốc và tiền hui chưa góp (Trong đó: 20.000.000 đồng tiền vay vốn gốc và 24.000.000 đồng tiền hui chưa góp). Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của chị T. Buộc bà Võ Thị Bé S phải có nghĩa vụ trả cho chị Thị T 44.000.000 đồng tiền vay vốn gốc và tiền hui chưa góp (Trong đó: 20.000.000 đồng tiền vay vốn gốc và 24.000.000 đồng tiền hui chưa góp) còn nợ theo quy định tại Điều 466, khoản 1 Điều 470 và 471 của Bộ luật dân sự.

Khi khởi kiện chị T yêu cầu bà S trả tiền lãi vay từ ngày 09/3/2018 cho đến khi giải quyết xong vụ kiện, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị T rút yêu cầu khởi kiện đối với bà S trả tiền lãi trên số tiền vay nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết phần chị T rút yêu cầu khởi kiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Phạm Hoàng E xác định anh đưa cho chị T mượn tiền nhưng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết gì cho anh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 206, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a khoản 1 Điều 238, Điều 241, khoản 2 Điều 244, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 470 và Điều 471 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Buộc bà Võ Thị Bé S phải có nghĩa vụ trả cho chị Thị T 44.000.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu đồng) tiền vay vốn gốc và tiền hụi chưa góp (Trong đó: 20.000.000 đồng tiền vay vốn gốc và 24.000.000 đồng tiền hụi chưa góp).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được

thi hành án một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ giải quyết một phần chi Thị T rút yêu cầu khởi kiện bà Võ Thị Bé S trả lãi tiền vay.

3. Về án phí: Buộc bà Võ Thị Bé S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.200.000 đồng (44.000.000 đồng x 5%).

Chi Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chi Thị T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005901 ngày 07/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án 14/10/2019. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- CC THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA (Sang).

**Trần Văn Thảo**